

Số: 93/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực y tế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 06 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và*

*Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quyết định áp dụng các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) thuộc lĩnh vực y tế; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-VHXXH ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực y tế trên phạm vi địa bàn tỉnh Gia Lai cho đến khi được thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Tiếp tục áp dụng trên phạm vi địa bàn tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) đối với các nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Tiếp tục áp dụng trên phạm vi địa bàn tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đối với Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định giá thu một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các nội dung, nhiệm vụ, cơ chế quy định tại các Nghị quyết nêu tại Điều 1 có liên quan đến cấp huyện được điều chỉnh, thực hiện tương ứng theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (không tổ chức cấp huyện), bảo đảm không gián đoạn việc thực hiện chính sách.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Văn Đạt**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH GIA LAI**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên  
dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**  
**KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;*

*Xét Tờ trình số 2721/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi bồi dưỡng  
hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra  
số 88/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND  
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên  
dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cộng tác viên dân số;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết  
toán nguồn ngân sách địa phương để chi bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số.

**Điều 2. Mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số**

1. Cộng tác viên dân số tại các xã khu vực III; các thôn đặc biệt khó khăn  
thuộc các xã, phường, thị trấn khu vực I, khu vực II: 0,15 lần mức lương cơ  
sở/người/tháng.



2. Cộng tác viên dân số tại các địa bàn còn lại: 0,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Y tế;
- Vụ pháp chế thuộc các Bộ: Tài chính; Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Niên**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác  
y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 2241/TTr-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức  
chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo  
cáo thẩm tra số 129/BC-BVHXXH ngày 12/10/2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội  
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, thụ hưởng nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện công tác y tế dự phòng - dân số.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Nội dung chi và mức chi đặc thù công tác y tế dự phòng**

1. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh.



a) Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung: Mức chi theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn, bản, buôn, plei, làng, tổ dân phố: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống.

b) Trường hợp tư vấn thường xuyên hằng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Hỗ trợ người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người thực hiện tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người thực hiện tư vấn/tháng. Số lượng người thực hiện tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định.

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định, người thực hiện tư vấn, hướng dẫn được hỗ trợ theo đối tượng được tư vấn, hướng dẫn với mức hỗ trợ 15.000 đồng/người được tư vấn, hướng dẫn/lần tư vấn, hướng dẫn, tối đa 300.000 đồng/người thực hiện tư vấn, hướng dẫn/tháng. Riêng tư vấn, hướng dẫn về an toàn thực phẩm, mức hỗ trợ 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn, hướng dẫn/lần tư vấn, hướng dẫn, tối đa 450.000 đồng/người thực hiện tư vấn, hướng dẫn/tháng.

2. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, tham gia chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; khám bệnh, chữa bệnh kết hợp quân dân y.

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế quy định tại Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Gia Lai quản lý.

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí theo quy định:

- Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu.

- Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã đặc biệt khó khăn); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường, thị trấn còn lại.

- Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường, thị trấn còn lại.

3. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát



điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật.

#### 4. Nội dung chi và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống phong.

Ngoài chế độ công tác phí theo quy định, chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

#### 5. Nội dung chi và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống lao.

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã, phường, thị trấn trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện:

- Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 30.000 đồng/người/tháng.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

- Đối với xã đặc biệt khó khăn: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 09 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

- Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 09 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

#### 6. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt rét.

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình:

- Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

c) Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

d) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi: bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

#### 7. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết.



a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

- Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.
- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

- Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi: bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

- Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

8. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

a) Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần: Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế xã, phường, thị trấn được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/người/tháng.

9. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt.

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu: 5.000 đồng/mẫu.

c) Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu.

d) Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000 đồng/người được khám.

e) Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

10. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản.

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

11. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động tiêm chủng mở rộng.



a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình tiêm chủng mở rộng:

- Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.
- Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung:

- Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).
- Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

c) Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

- Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều.
- Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

12. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

- Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).
- Đối với xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

13. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động an toàn thực phẩm.

Lấy mẫu, phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định về chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

14. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng.

### **Điều 3. Nội dung chi và mức chi đặc thù công tác dân số**

1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản cho đối tượng là người dân sống tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con.

a) Hỗ trợ người tự nguyện triệt sản: 400.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản: Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

2. Hỗ trợ chi phí bảo quản, tiếp nhận phương tiện tránh thai. Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật.



3. Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên dân số: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
4. Trường hợp các hoạt động lồng ghép vào nội dung chi của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thì nội dung chi, mức chi thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; không áp dụng quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2023. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Y tế;
- Vụ Pháp chế thuộc các Bộ: Tài chính, Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT- TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



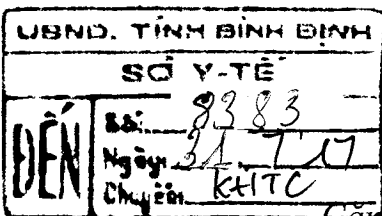
**Hồ Văn Niên**

Số: 70/2017/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 14 tháng 7 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá thu một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính về việc ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;*

*Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định giá thu một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-VHXXH ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Quy định giá thu một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; cụ thể như sau:

**1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:**

- Các cơ sở điều trị nghiện của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cung ứng và sử dụng dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.



## 2. Mức giá thu cụ thể:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)	Ghi chú
<b>I Khám (không bao gồm xét nghiệm và thuốc):</b>				
01	Khám ban đầu	đồng/lần khám/người	40.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
02	Khám khởi liệu điều trị	đồng/lần khám/người	20.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
03	Khám định kỳ	đồng/lần khám/người	15.000	01 lần/01 tháng hoặc khám theo yêu cầu
<b>II Cấp phát thuốc (không bao gồm thuốc):</b>				
04	Tại cơ sở điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	8.000	
05	Tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	8.000	
<b>III Tư vấn (không bao gồm thuốc và xét nghiệm):</b>				
06	Tư vấn cá nhân	đồng/lần/người	8.000	- Không quá 14 lần/năm trong năm đầu điều trị. - Không quá 04 lần/năm từ năm thứ hai điều trị. - Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân.
07	Tư vấn nhóm	đồng/lần/người	4.000	- Không quá 6 lần/năm trong năm đầu điều trị. - Không quá 04 lần/năm từ năm thứ hai điều trị.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ YT, Bộ TC;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- BHXH Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Tùng**